

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH  
THÀNH THÀNH CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 06/2021/CBTT-TTCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

Mã chứng khoán: VNG

Địa chỉ trụ sở chính: 253, Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 1900 55 88 55

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Phan Thị Hồng Vân

Chức vụ: Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản trị

Loại thông tin công bố:  Định kỳ     Bất thường     24 giờ     Theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:**

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (theo file đính kèm).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty tại đường dẫn (link): <https://ttchospitality.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**PHAN THỊ HỒNG VÂN**

## **Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 48

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006, và các Giấy CNDKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, tổ chức sự kiện; kinh doanh đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch; kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài; buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thế Vinh	Chủ tịch	
Bà Phan Thị Hồng Vân	Phó Chủ tịch thường trực	bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2020 miễn nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2020
Bà Nguyễn Thái Hà	Phó Chủ tịch	
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Hoàng Mạnh Tiến	Thành viên	
Ông Vũ Việt Bản	Thành viên	
Ông Đỗ Huy Hiệp	Thành viên	

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Võ Hiếu Thuận	Quyền Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 11 năm 2020
Bà Phan Thị Hồng Vân	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 2 tháng 11 năm 2020
Ông Nguyễn Vũ Hoàng An	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2021
Bà Lê Thụy Nhã Uyên	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Huệ Trinh	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 18 tháng 2 năm 2020

### TIỂU BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiểu ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Mạnh Tiến	Trưởng ban
Ông Vũ Việt Bản	Thành viên
Ông Đỗ Huy Hiệp	Thành viên



# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thế Vinh.

Bà Trần Võ Hiếu Thuận được Ông Nguyễn Thế Vinh ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định số 19/2020/QĐ-HĐQT ngày 21 tháng 11 năm 2020.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phân tích tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đề ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Võ Hiếu Thuận  
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021



Số tham chiếu: 61454124/22004698/FN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



---

Lê Vũ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1588-2018-004-1



---

Đặng Minh Tài  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2815-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2021



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>325.743.247.707</b>	<b>190.807.754.834</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>33.509.813.240</b>	<b>58.376.164.651</b>
111	1. Tiền		33.509.813.240	28.123.558.651
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	30.252.606.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>290.656.882.288</b>	<b>129.734.157.122</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	42.117.614.526	34.140.049.119
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	46.605.464.566	4.029.677.373
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	82.010.000.000	28.032.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	120.623.390.864	63.949.835.124
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6, 8	(719.670.376)	(436.163.987)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		20.082.708	18.759.493
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>1.042.124.108</b>	<b>1.373.906.553</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.042.124.108	1.373.906.553
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>534.428.071</b>	<b>1.323.526.508</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	334.061.940	824.129.665
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	78.416.210	111.896.884
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	121.949.921	387.499.959

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.216.135.986.210</b>	<b>1.211.824.133.919</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>35.000.000</b>	<b>35.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	35.000.000	35.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>138.817.380.070</b>	<b>143.443.958.130</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	108.657.924.617	112.403.558.696
222	Nguyên giá		177.725.305.506	177.250.501.957
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(69.067.380.889)	(64.846.943.261)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	30.159.455.453	31.040.399.434
228	Nguyên giá		40.976.735.812	40.718.781.267
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.817.280.359)	(9.678.381.833)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.836.037.336</b>	<b>1.800.047.836</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	1.836.037.336	1.800.047.836
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>1.057.923.450.193</b>	<b>1.062.336.995.701</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	1.022.015.534.312	1.043.234.115.982
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	43.734.954.724	24.772.623.054
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(7.827.038.843)	(5.669.743.335)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>17.524.118.611</b>	<b>4.208.132.252</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	17.524.118.611	4.208.132.252
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.541.879.233.917</b>	<b>1.402.631.888.753</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>361.049.307.137</b>	<b>306.373.869.510</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>256.139.025.172</b>	<b>207.927.893.530</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	31.976.545.328	11.568.834.552
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	6.951.667.786	4.636.853.713
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	4.292.222.742	3.839.763.495
314	4. Phải trả người lao động		2.645.281.029	264.018.375
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	6.039.369.913	1.806.851.023
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	142.743.630	388.399.999
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	52.811.849.274	77.329.609.203
320	8. Vay ngắn hạn	21	150.803.818.748	103.730.097.233
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		475.526.722	4.363.465.937
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>104.910.281.965</b>	<b>98.445.975.980</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	14.182.404.716	13.137.174.716
338	2. Vay dài hạn	21	90.727.877.249	85.308.801.264
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.180.829.926.780</b>	<b>1.096.258.019.243</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22</b>	<b>1.180.829.926.780</b>	<b>1.096.258.019.243</b>
411	1. Vốn cổ phần		972.766.080.000	926.666.080.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		972.766.080.000	926.666.080.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		106.459.866.414	121.732.866.414
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.719.655.738	6.719.655.738
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		94.884.324.628	41.139.417.091
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		64.139.417.091	6.453.802.292
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		30.744.907.537	34.685.614.799
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.541.879.233.917</b>	<b>1.402.631.888.753</b>

Nguyễn Thị Lan Phương  
Người lập

Bùi Tấn Khải  
Kế toán trưởng



Trần Võ Hiếu Thuận  
Quyền Tổng Giám đốc


Ngày 29 tháng 3 năm 2021





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	231.726.955.143	348.766.142.451
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(2.720.455)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	231.724.234.688	348.766.142.451
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(162.977.176.681)	(252.038.671.297)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		68.747.058.007	96.727.471.154
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	35.589.238.424	44.892.939.749
22	7. Chi phí tài chính	25	(22.072.076.410)	(16.334.182.815)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(19.910.619.412)	(14.467.623.085)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(13.037.124.204)	(35.986.928.609)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(44.728.913.019)	(58.240.891.763)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.498.182.798	31.058.407.716
31	11. Thu nhập khác	27	8.400.021.622	5.253.926.667
32	12. Chi phí khác	27	(728.935.627)	(1.113.869.168)
40	13. Lợi nhuận khác	27	7.671.085.995	4.140.057.499
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		32.169.268.793	35.198.465.215
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(1.424.361.256)	(512.850.416)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		30.744.907.537	34.685.614.799

  
Nguyễn Thị Lan Phương  
Người lập

  
Bùi Tấn Khải  
Kế toán trưởng

  
Trần Võ Hiếu Thuận  
Quyền Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>32.169.268.793</b>	<b>35.198.465.215</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	6.582.881.049	11.286.294.593
03	Dự phòng		2.440.801.897	1.921.871.643
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.524.517)	(2.580.849)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(35.730.267.426)	(45.059.913.301)
06	Chi phí lãi vay	25	19.910.619.412	14.467.623.085
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>25.368.779.208</b>	<b>17.811.760.386</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(108.624.718.815)	(20.848.691.253)
10	Giảm hàng tồn kho		331.782.445	239.044.393
11	Tăng các khoản phải trả		56.266.214.091	12.317.172.467
12	Tăng chi phí trả trước		(12.825.918.634)	(12.275.826)
14	Tiền lãi vay đã trả		(18.218.252.017)	(14.428.869.120)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(512.850.416)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	4.136.223.998
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.887.939.215)	-
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(61.590.052.937)</b>	<b>(1.298.485.371)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(1.536.833.012)	(9.400.635.780)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		209.768.348	3.181.535.648
23	Tiền chi cho vay		(166.030.000.000)	5.427.250.000
24	Tiền thu hồi cho vay		112.052.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(55.950.000.000)	(50.050.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		65.325.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		30.157.354.173	44.872.254.325
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(15.772.710.491)</b>	<b>(5.969.595.807)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	21	298.143.909.949	297.509.992.774
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	21	(245.651.112.449)	(240.942.679.843)
36	Cổ tức đã trả	22.2	(910.000)	(3.910.147.425)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>52.491.887.500</b>	<b>52.657.165.506</b>
<b>50</b>	<b>(Giảm) tăng tiền thuần trong năm</b>		<b>(24.870.875.928)</b>	<b>45.389.084.328</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>58.376.164.651</b>	<b>12.986.210.124</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.524.517	870.199
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>33.509.813.240</b>	<b>58.376.164.651</b>

Nguyễn Thị Lan Phương  
Người lập

Bùi Tấn Khải  
Kế toán trưởng



Trần Võ Hiếu Thuận  
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006, và các Giấy CNDKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, tổ chức sự kiện; kinh doanh đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch; kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài, buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 191 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 437).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đề ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định như chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

	Năm nay	Năm trước
Quyền sử dụng đất	39 năm	39 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 50 năm	8 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm	3 - 12 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm	6 - 12 năm
Tài sản khác	10 - 25 năm	3 - 15 năm

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình, để phản ánh phù hợp hơn tình hình sử dụng của các tài sản trên. Ảnh hưởng do sự thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình được trình bày tại Thuyết minh số 11 và 12.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí bảo hiểm; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng.

**3.11 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty bằng (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

#### 3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, giải trí và hoạt động kinh doanh khác*

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, phí dịch vụ giặt ủi và các khoản doanh thu khác được ghi nhận khi hàng hóa được chuyển giao và dịch vụ đã được thực hiện.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu*

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ được công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính riêng có liên quan.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	109.425.587	291.620.187
Tiền gửi ngân hàng	33.385.617.653	27.768.272.175
Tiền đang chuyển	14.770.000	63.666.289
Các khoản tương đương tiền	-	30.252.606.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>33.509.813.240</u></b>	<b><u>58.376.164.651</u></b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	10.969.372.382	16.075.998.880
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 30</i> )	31.148.242.144	18.064.050.239
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>42.117.614.526</u></b>	<b><u>34.140.049.119</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(175.532.427)</u>	<u>(59.279.027)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>41.942.082.099</u></b>	<b><u>34.080.770.092</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	59.279.027	112.919.633
Dự phòng trích lập trong năm	116.253.400	(53.640.606)
Số cuối năm	<u>175.532.427</u>	<u>59.279.027</u>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	2.167.364.462	4.029.677.373
Các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	44.438.100.104	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>46.605.464.566</b>	<b>4.029.677.373</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(134.315.460)	(134.315.460)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>46.471.149.106</u></b>	<b><u>3.895.361.913</u></b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	16.500.000.000	-
Các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	65.510.000.000	28.032.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>82.010.000.000</u></b>	<b><u>28.032.000.000</u></b>

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay tín chấp được trình bày như sau:

Bên đi vay	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất
	VND		%/năm
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	33.920.000.000	Từ ngày 12 tháng 8 năm 2021 đến ngày 18 tháng 12 năm 2021	11
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	18.990.000.000	Ngày 24 tháng 12 năm 2021	12
Bà Triệu Phi Yến	16.500.000.000	Ngày 8 tháng 5 năm 2021	10,6
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	12.600.000.000	Ngày 11 tháng 8 năm 2021	10,8
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>82.010.000.000</u></b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>120.623.390.864</b>	<b>63.949.835.124</b>
Ký quỹ	58.115.500.000	15.049.960.546
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 30</i> )	38.067.662.625	25.443.791.090
Tạm ứng cho nhân viên	20.360.296.793	20.106.506.048
Lãi cho vay phải thu	1.145.148.496	165.767.704
Khác	2.934.782.950	3.183.809.736
<b>Dài hạn</b>	<b>35.000.000</b>	<b>35.000.000</b>
Ký quỹ	35.000.000	35.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>120.658.390.864</b>	<b>63.984.835.124</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(409.822.489)	(242.569.500)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>120.248.568.375</b>	<b>63.742.265.624</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	644.628.851	718.969.645
Hàng hóa	248.189.013	488.294.300
Công cụ, dụng cụ	149.306.244	166.642.608
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.042.124.108</b>	<b>1.373.906.553</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>334.061.940</b>	<b>824.129.665</b>
Chi phí bảo hiểm	130.842.800	99.091.789
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	110.225.257	674.141.060
Khác	92.993.883	50.896.816
<b>Dài hạn</b>	<b>17.524.118.611</b>	<b>4.208.132.252</b>
Chi phí hợp tác kinh doanh (*)	14.000.000.000	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.875.188.315	3.764.584.859
Khác	648.930.296	443.547.393
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.858.180.551</b>	<b>5.032.261.917</b>

(\*) Đây là giá trị còn lại của chi phí hợp tác kinh doanh không hoàn lại theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 531/2019/HĐHTKD/TTCT-ĐT ký với Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận ngày 12 tháng 12 năm 2019 để cùng kinh doanh Khu nghỉ dưỡng tại Tỉnh Ninh Thuận. Chi phí này được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm từ tháng 1 năm 2020.



## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						VND
Số đầu năm	141.074.900.014	13.214.553.988	17.745.291.056	1.598.522.487	3.617.234.412	177.250.501.957
Mua trong năm	24.914.798	286.539.000	937.800.769	509.181.000	-	1.758.435.567
Xóa sổ	(1.048.501.315)	-	-	-	-	(1.048.501.315)
Thanh lý	-	(200.130.703)	-	-	(35.000.000)	(235.130.703)
Số cuối năm	140.051.313.497	13.300.962.285	18.683.091.825	2.107.703.487	3.582.234.412	177.725.305.506
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	2.223.548.547	2.583.256.420	-	1.509.262.543	-	6.316.067.510
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	48.875.067.971	6.903.943.788	5.482.156.664	1.566.284.805	2.019.490.033	64.846.943.261
Khấu hao trong năm	2.887.496.136	770.077.191	1.608.532.537	18.040.127	159.836.532	5.443.982.523
Thanh lý	(1.048.501.315)	-	-	-	-	(1.048.501.315)
Xóa sổ	-	(167.589.876)	-	-	(7.453.704)	(175.043.580)
Số cuối năm	50.714.062.792	7.506.431.103	7.090.689.201	1.584.324.932	2.171.872.861	69.067.380.889
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	92.199.832.043	6.310.610.200	12.263.134.392	32.237.682	1.597.744.379	112.403.558.696
Số cuối năm	89.337.250.705	5.794.531.182	11.592.402.624	523.378.555	1.410.361.551	108.657.924.617

Trong đó:

Tài sản thế chấp cho các  
khoản vay (Thuyết minh số 21)

- - 4.873.183.300

- - 4.873.183.300

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, từ ngày 1 tháng 1 năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã thay đổi ước tính về thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định hữu hình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc tăng thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình sẽ phản ánh phù hợp hơn tình hình sử dụng của các tài sản này. Theo đó, chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo thời gian hữu dụng mới là 5.443.982.523 VND (chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo thời gian hữu dụng cũ là 12.778.931.368 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	38.892.426.817	1.336.000.000	490.354.450	40.718.781.267
Mua trong năm	-	-	257.954.545	257.954.545
Số cuối năm	38.892.426.817	1.336.000.000	748.308.995	40.976.735.812
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	8.957.774.831	368.333.334	352.273.668	9.678.381.833
Hao mòn trong năm	995.057.676	123.358.248	20.482.602	1.138.898.526
Số cuối năm	9.952.832.507	491.691.582	372.756.270	10.817.280.359
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	29.934.651.986	967.666.666	138.080.782	31.040.399.434
Số cuối năm	28.939.594.310	844.308.418	375.552.725	30.159.455.453

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, từ ngày 1 tháng 1 năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã thay đổi ước tính về thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định vô hình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc tăng thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình sẽ phản ánh phù hợp hơn tình hình sử dụng của các tài sản này. Theo đó, chi phí hao mòn tài sản cố định vô hình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo thời gian hữu dụng mới là 1.138.898.526 VND (chi phí hao mòn tài sản cố định vô hình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo thời gian hữu dụng cũ là 1.223.598.003 VND).

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Khu vui chơi Phú Quốc	1.470.947.836	1.710.947.836
Khác	365.089.500	89.100.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.836.037.336</b>	<b>1.800.047.836</b>

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty con ( <i>Thuyết minh số 14.1</i> )	1.022.015.534.312	1.043.234.115.982
Đầu tư vào công ty liên kết ( <i>Thuyết minh số 14.2</i> )	43.734.954.724	24.772.623.054
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.065.750.489.036</b>	<b>1.068.006.739.036</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(7.827.038.843)	(5.669.743.335)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.057.923.450.193</b>	<b>1.062.336.995.701</b>



## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 14.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty con	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu	Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu
Công ty TNHH Du lịch TTC (*)	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	483.295.516.000	100	433.295.516.000	100
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Công Lâm Đồng	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và vui chơi giải trí	442.218.911.050	100	442.218.911.050	100
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	77.419.955.000	74,8	77.419.955.000	74,8
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	13.081.152.262	100	13.081.152.262	100
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC (**)	Đang hoạt động	Dịch vụ lữ hành	5.000.000.000	100	-	-
Công ty TNHH MTV Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan	Đang hoạt động	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe	1.000.000.000	100	50.000.000	100
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre (***)	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	-	-	77.168.581.670	84,45
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.022.015.534.312</b>		<b>1.043.234.115.982</b>	

(\*) Trong năm, Công ty đã tăng vốn góp vào Công ty TNHH Du lịch TTC theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08/2020/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 3 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/2020/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 3 năm 2020.

(\*\*) Trong năm, Công ty đã tăng vốn góp vào Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 09/2020/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 3 năm 2020.

(\*\*\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 63,7% quyền sở hữu của Công ty trong Bến Tre cho một nhà đầu tư khác theo Hợp đồng Chuyển nhượng Vốn góp ngày 30 tháng 6 năm 2020 với tổng giá trị là 65.325.000.000 VND và ghi nhận khoản lãi ròng là 7.118.780.955 VND. Theo đó, Công ty hiện chỉ còn quyền sở hữu 20,75% trong Bến Tre tại ngày 30 tháng 6 năm 2020. Nghiệp vụ này đã được phê duyệt theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 30/2020/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2020.



# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Chi phí đầu tư (VND)	Dự phòng	Chi phí đầu tư (VND)	Dự phòng
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	24.772.623.054	(7.827.038.843)	24.772.623.054	(5.669.743.335)
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Đang hoạt động	Dịch vụ nhà hàng	18.962.331.670	-	-	-
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>			<b>43.734.954.724</b>	<b>(7.827.038.843)</b>	<b>24.772.623.054</b>	<b>(5.669.743.335)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	24.326.201.201	6.758.052.994
Các bên khác	7.650.344.127	4.810.781.558
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.976.545.328</b>	<b>11.568.834.552</b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	3.528.339.243	1.799.000
Các bên khác	3.423.328.543	4.635.054.713
Công ty TNHH Agoda International Việt Nam	428.589.416	1.041.394.789
Khác	2.994.739.127	3.593.659.924
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.951.667.786</b>	<b>4.636.853.713</b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	2.863.275.199	6.872.711.917	(6.683.612.698)	3.052.374.418
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.424.361.256	(309.064.508)	1.115.296.748
Thuế thu nhập cá nhân	926.066.518	1.522.513.094	(2.340.485.614)	108.093.998
Thuế tiêu thụ đặc biệt	37.293.737	163.630.304	(195.818.991)	5.105.050
Thuế tài nguyên	-	139.401.600	(139.401.600)	-
Thuế khác	13.128.041	82.094.892	(83.870.405)	11.352.528
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.839.763.495</b>	<b>10.204.713.063</b>	<b>(9.752.253.816)</b>	<b>4.292.222.742</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	350.375	121.949.921	(350.375)	121.949.921
Thuế giá trị gia tăng	111.896.884	10.597.211.089	(10.630.691.763)	78.416.210
Thuế thu nhập doanh nghiệp	387.149.584	-	(387.149.584)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>499.396.843</b>	<b>10.719.161.010</b>	<b>(11.018.191.722)</b>	<b>200.366.131</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê đất	3.285.244.800	-
Lương tháng 13	2.045.458.919	-
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	539.515.437	1.090.000.000
Chi phí lãi vay	148.089.855	181.017.620
Khác	21.060.902	535.833.403
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.039.369.913</u></b>	<b><u>1.806.851.023</u></b>

**19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện các khoản tiền nhận trước từ khách hàng về việc thuê phòng khách sạn.

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>52.811.849.274</b>	<b>77.329.609.203</b>
Các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	48.617.121.383	7.351.709.665
Chi phí lãi vay	1.725.295.160	-
Nhận ký quỹ	1.056.500.000	1.106.500.000
Cổ tức phải trả	245.585.525	8.388.104.941
Cán bộ nhân viên đặt cọc mua cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động (ESOP)	-	53.937.000.000
Khác	1.167.347.206	6.546.294.597
<b>Dài hạn</b>	<b>14.182.404.716</b>	<b>13.137.174.716</b>
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	11.919.404.716	11.919.404.716
Nhận ký quỹ	2.263.000.000	1.217.770.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>66.994.253.990</u></b>	<b><u>90.466.783.919</u></b>



## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. VAY

	Số đầu năm	Vay	Phân loại lại	Trả nợ vay	Số cuối năm
					VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>103.730.097.233</b>	<b>231.419.707.999</b>	<b>14.603.201.224</b>	<b>(198.949.187.708)</b>	<b>150.803.818.748</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	93.578.521.307	146.517.567.195	-	(147.344.827.316)	92.751.261.186
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 21.2)	1.400.000.000	40.986.890.000	2.900.000.000	(25.458.000.000)	19.828.890.000
Vay các bên khác (Thuyết minh số 21.3)	-	40.535.000.000	-	(15.335.000.000)	25.200.000.000
Vay thấu chi ngân hàng	842.730.163	2.629.979.440	-	(2.902.514.629)	570.194.974
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 21.4)	7.908.845.763	-	10.713.970.280	(7.908.845.763)	10.713.970.280
Vay dài hạn các bên khác đến hạn trả	-	-	1.739.502.308	-	1.739.502.308
<b>Dài hạn</b>	<b>85.308.801.264</b>	<b>66.724.201.950</b>	<b>(14.603.201.224)</b>	<b>(46.701.924.741)</b>	<b>90.727.877.249</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.4)	31.994.501.264	4.606.602.780	(9.963.698.916)	(2.542.708.597)	24.094.696.531
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 21.5)	41.024.000.000	14.945.000.000	(2.900.000.000)	(20.124.000.000)	32.945.000.000
Vay các bên khác (Thuyết minh số 21.6)	12.290.300.000	47.172.599.170	(1.739.502.308)	(24.035.216.144)	33.688.180.718
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>189.038.898.497</b>	<b>298.143.909.949</b>	<b>-</b>	<b>(245.651.112.449)</b>	<b>241.531.695.997</b>

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. VAY (tiếp theo)

#### 21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk</b>					
Khoản vay 1	52.756.346.176	Từ ngày 27 tháng 1 năm 2021 đến ngày 23 tháng 6 năm 2021	9,9	Tài trợ vốn lưu động	5.000.000 cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công (“TTCI”); và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
<b>Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>					
Khoản vay 1	39.037.762.761	Từ ngày 23 tháng 3 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021	Từ 4,6 đến 6,5	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định</b>					
Khoản vay 1	957.152.249	Từ ngày 16 tháng 5 năm 2021 đến ngày 22 tháng 5 năm 2021	8	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>92.751.261.186</b>				



## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. VAY (tiếp theo)

#### 21.2 Vay ngắn hạn bên liên quan

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
<b>Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng</b>					
Khoản vay 1	11.500.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 2	4.000.000.000	Ngày 4 tháng 12 năm 2021	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 3	900.000.000	Ngày 4 tháng 12 năm 2021	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 4	853.890.000	Ngày 3 tháng 8 năm 2021	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 5	800.000.000	Ngày 26 tháng 11 năm 2021	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 6	575.000.000	Ngày 30 tháng 11 năm 2021	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
<b>Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre</b>					
Khoản vay 1	900.000.000	Ngày 20 tháng 11 năm 2021	10,5	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 2	300.000.000	Ngày 20 tháng 11 năm 2021	10,5	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.828.890.000</b>				

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. VAY (tiếp theo)

#### 21.3 Vay ngắn hạn từ các bên khác

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ các bên khác như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
<b>Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín</b>					
Khoản vay 1	15.600.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	9,5	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 2	5.600.000.000	Ngày 27 tháng 9 năm 2021	9,5	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 3	1.000.000.000	Ngày 6 tháng 8 năm 2021	10,5	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Ông Trần Long Hải	3.000.000.000	Ngày 12 tháng 5 năm 2021	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.200.000.000</b>				



## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 21. VAY (tiếp theo)

##### 21.4 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk</b>					
Khoản vay 1	16.000.926.786	Từ ngày 7 tháng 3 năm 2021 đến ngày 26 tháng 6 năm 2025	Từ 10,5 đến 11	Tài trợ vốn lưu động	5.000.000 cổ phiếu SBT của TTCI; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
Khoản vay 2	11.289.856.693	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2021 đến ngày 29 tháng 10 năm 2025	Từ 10,5 đến 11,2	Tài trợ vốn lưu động	5.000.000 cổ phiếu SBT của TTCI; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
Khoản vay 3	1.894.428.668	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2021 đến ngày 26 tháng 4 năm 2024	Từ 10,5 đến 11,1	Tài trợ vốn lưu động	5.000.000 cổ phiếu SBT của TTCI; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>					
Khoản vay 1	2.123.333.310	Từ ngày 26 tháng 2 năm 2021 đến ngày 9 tháng 2 năm 2023	7,9	Tài trợ vốn lưu động	Phương tiện vận tải
Khoản vay 2	329.599.990	Từ ngày 26 tháng 2 năm 2021 đến ngày 28 tháng 6 năm 2023	8,5	Tài trợ vốn lưu động	Phương tiện vận tải
Khoản vay 3	198.000.000	Từ ngày 26 tháng 2 năm 2021 đến ngày 29 tháng 12 năm 2021	7,9	Tài trợ vốn lưu động	Phương tiện vận tải

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. VAY (tiếp theo)

#### 21.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình</b>					
Khoản vay 1	1.877.850.000	Từ ngày 29 tháng 3 năm 2021 đến ngày 29 tháng 3 năm 2024	8,9	Tài trợ vốn lưu động	Phương tiện vận tải
Khoản vay 2	344.400.000	Từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến ngày 17 tháng 12 năm 2023	8,9	Tài trợ vốn lưu động	Phương tiện vận tải
<b>Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>					
Khoản vay 1	459.252.321	Ngày 3 tháng 7 năm 2021	6,2	Tài trợ vốn lưu động	Tài sản khách sạn TTC Hotel – Cần Thơ
Khoản vay 1	291.019.043	Ngày 16 tháng 7 năm 2021	6,2	Tài trợ vốn lưu động	Tài sản khách sạn TTC Hotel – Cần Thơ

**34.808.666.811**

Trong đó:

Vay dài hạn  
đến hạn trả 10.713.970.280  
Vay dài hạn 24.094.696.531



## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 21. VAY (tiếp theo)

##### 21.5 Vay dài hạn từ bên liên quan

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các bên liên quan được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
<b>Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình</b>					
Khoản vay 1	7.700.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 2	2.800.000.000	Ngày 14 tháng 11 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 3	2.600.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 4	2.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 5	1.300.000.000	Ngày 26 tháng 11 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 6	1.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 7	1.000.000.000	Ngày 25 tháng 8 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 8	600.000.000	Ngày 1 tháng 8 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 9	500.000.000	Ngày 29 tháng 8 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 10	500.000.000	Ngày 30 tháng 8 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
<b>Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng</b>					
Khoản vay 1	7.345.000.000	Ngày 30 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 2	5.600.000.000	Ngày 25 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
	<b>32.945.000.000</b>				
<b>Trong đó:</b>					
Vay dài hạn	32.945.000.000				

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. VAY (tiếp theo)

#### 21.6 Vay dài hạn từ các bên khác

Các khoản vay dài hạn là các khoản vay từ các nhân viên của Công ty để tài trợ vốn lưu động trong năm. Các khoản vay này có thời hạn 2 năm, đáo hạn từ 19 tháng 12 năm 2021 tới 31 tháng 12 năm 2022, với lãi suất 10,75%/năm và không có tài sản bảo đảm.

### 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 22.1 Tính hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quy đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	837.044.050.000	38.493.268.364	6.719.655.738	12.969.917.803	895.226.891.905
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	34.685.614.799	34.685.614.799
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.281.204.232)	(6.281.204.232)
Phát hành cổ phiếu hoán đổi	89.622.030.000	83.796.598.000	-	-	173.418.628.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(556.999.950)	-	-	(556.999.950)
Giảm khác	-	-	-	(234.911.279)	(234.911.279)
Số cuối năm	926.666.080.000	121.732.866.414	6.719.655.738	41.139.417.091	1.096.258.019.243
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	926.666.080.000	121.732.866.414	6.719.655.738	41.139.417.091	1.096.258.019.243
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	30.744.907.537	30.744.907.537
Phát hành cổ phiếu cho nhân viên (**)	46.100.000.000	7.837.000.000	-	-	53.937.000.000
Chi phí phát cổ phiếu	-	(110.000.000)	-	-	(110.000.000)
Kết chuyển từ thặng dư vốn (***)	-	(23.000.000.000)	-	23.000.000.000	-
Số cuối năm	972.766.080.000	106.459.866.414	6.719.655.738	94.884.324.628	1.180.829.926.780

(\*) Vào ngày 3 tháng 1 năm 2020, Công ty đã phát hành 4.610.000 cổ phiếu với mức giá phát hành là 11.700 VND/cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo kế hoạch thực hiện quyền sở hữu cổ phần cho người lao động theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2019/NQ-DHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019. Việc tăng vốn này được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 22 ngày 5 tháng 2 năm 2020.

(\*\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2020/NQ-DHĐCĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc sử dụng một phần nguồn thặng dư vốn cổ phần để xóa lỗ lũy kế. Theo đó, số tiền thặng dư vốn cổ phần dùng để xóa lỗ lũy kế là 23.000.000.000 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**22.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu năm	926.666.080.000	837.044.050.000
Tăng trong năm	<u>46.100.000.000</u>	<u>89.622.030.000</u>
Số cuối năm	<u>972.766.080.000</u>	<u>926.666.080.000</u>
<b>Cổ tức đã trả</b>	<b>910.000</b>	<b>3.910.147.425</b>

**22.3 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm (cổ phiếu)	Số đầu năm (cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	97.276.608	92.666.608
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	97.276.608	92.666.608
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	97.276.608	92.666.608
Cổ phiếu đang lưu hành	97.276.608	92.666.608
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	97.276.608	92.666.608

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	212.086.613.515	344.180.567.385
Doanh thu thuần về bán hàng	19.170.106.021	2.926.625.572
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài	<u>467.515.152</u>	<u>1.658.949.494</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>231.724.234.688</u></b>	<b><u>348.766.142.451</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần đối với bên thứ ba	127.316.451.293	286.118.906.459
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan	104.407.783.395	62.647.235.992

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. DOANH THU** (tiếp theo)

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức được chia	23.500.000.000	41.468.269.997
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư trong công ty con	7.118.750.000	-
Lãi tiền gửi, cho vay	4.961.836.201	3.403.984.328
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.652.223	19.781.424
Khác	-	904.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>35.589.238.424</u></b>	<b><u>44.892.939.749</u></b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ cung cấp	144.521.561.930	248.214.897.432
Giá vốn hàng bán	17.522.586.631	2.563.167.179
Giá vốn hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài	933.028.120	1.260.606.686
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>162.977.176.681</u></b>	<b><u>252.038.671.297</u></b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.910.619.412	14.467.623.085
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	2.157.295.508	1.856.321.499
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.081.437	10.229.858
Khác	80.053	8.373
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>22.072.076.410</u></b>	<b><u>16.334.182.815</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	6.829.685.979	22.342.502.946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.940.000.000	9.514.471.854
Chi phí quảng cáo	1.357.453.355	2.016.698.535
Chi phí khấu hao và hao mòn	16.587.077	180.206.612
Chi phí khác	1.893.397.793	1.933.048.662
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.037.124.204</b>	<b>35.986.928.609</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	31.003.211.485	37.520.419.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.527.897.616	9.980.718.020
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.540.277.072	2.888.011.163
Chi phí khác	8.657.526.846	7.851.743.023
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>44.728.913.019</b>	<b>58.240.891.763</b>

**27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>8.400.021.622</b>	<b>5.253.926.667</b>
Xóa nợ phải trả	8.132.524.541	4.008.603.410
Khác	267.497.081	1.245.323.257
<b>Chi phí khác</b>	<b>728.935.627</b>	<b>1.113.869.168</b>
Lỗi từ thanh lý tài sản	303.206.208	-
Tiền phạt	32.445.285	228.543.210
Tài trợ quỹ chung tay vì cộng đồng	-	500.000.000
Khác	393.284.134	385.325.958
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>7.671.085.995</b>	<b>4.140.057.499</b>

**28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.855.726.050	235.421.335.495
Chi phí nhân viên	49.480.792.688	79.774.081.769
Giá vốn hàng hóa đã bán	17.522.586.631	2.563.167.179
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	6.582.881.049	11.286.294.593
Chi phí nguyên vật liệu	4.352.093.734	7.226.770.605
Chi phí khác	9.949.133.752	9.994.842.028
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>220.743.213.904</b>	<b>346.266.491.669</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**29.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.901.117.291	512.850.416
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định số 68/2020/NĐ-CP	(476.756.035)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.424.361.256</b>	<b>512.850.416</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>32.169.268.793</b>	<b>35.198.465.215</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	6.433.853.758	7.039.693.043
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	830.072.969	512.561.313
Cổ tức được chia	(4.700.000.000)	(8.293.653.999)
Chênh lệch tạm thời từ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn chưa ghi nhận thuế hoãn lại	431.459.102	1.133.948.667
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP (*)	(476.756.035)	-
Lỗi năm trước chuyển sang	(1.094.268.538)	(392.549.024)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	512.850.416
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>1.424.361.256</b>	<b>512.850.416</b>

(\*) Theo hướng dẫn của Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 sửa đổi Nghị định số 20/2017/ NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 do Chính phủ ban hành về quy định mức tỷ lệ lãi vay được khấu trừ áp dụng từ năm tính thuế 2019, Công ty đã ghi nhận điều chỉnh giảm chi phí TNDN trong năm hiện hành với tổng giá trị là 476.756.035 VND.

**29.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.3 Lỗi chuyển sang các năm sau**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 0 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2.366.184.683 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	Không được chuyển lỗ	VND	
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	
2018	2023	<u>7.434.087.807</u>	<u>(7.434.087.807)</u>	-	-	-

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

**29.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

Khoản mục	VND
	Số tiền
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	7.827.038.843
Chi phí lãi vay	<u>1.139.813.112</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.966.851.955</u></b>

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	VND
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Dịch vụ bán vé máy bay Dịch vụ khác Dịch vụ lưu trú Lãi cho vay Dịch vụ nhà hàng	40.200.158.906 289.675.454 120.752.384 120.000.000 18.926.709	917.682.959	-
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Mua dịch vụ Cổ tức được chia Dịch vụ tư vấn Bán hàng hóa Phạt vi phạm hợp đồng Bán xe Lãi cho vay Dịch vụ lễ hành	18.050.640.209 18.000.000.000 11.000.000.000 10.069.679.091 3.536.000.000 128.709.860 50.841.095 5.939.397	59.608.053.704 14.168.269.997 13.015.672.246	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Dịch vụ tư vấn Mua dịch vụ Phí tư vấn Bán hàng hóa Mua tài sản Mua hàng hóa Lãi vay Lãi cho vay Dịch vụ khác Dịch vụ lễ hành	15.000.000.000 13.994.675.016 12.000.000.000 608.466.982 277.500.000 272.000.000 261.290.166 241.470.745 120.153.398 31.699.576	3.434.308.496 22.000.000.000	-
Công ty TNHH Lễ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Dịch vụ du lịch Dịch vụ bán vé máy bay Phí du lịch Phí lưu trú Phí nhà hàng Dịch vụ lễ hành	13.705.967.292 1.577.810.046 395.362.548 161.627.273 144.844.974 66.213.634	-	-



## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Mua dịch vụ Lãi cho vay	11.250.102.035 771.738.628	21.304.352.953 -
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Mua dịch vụ Phí hợp tác kinh doanh Bán hàng hóa Mua hàng hóa	8.400.898.535 6.000.000.000 3.697.816.038 189.048.649	15.760.926.916 - - -
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Dịch vụ tư vấn Dịch vụ bán vé máy bay Dịch vụ nhà hàng Dịch vụ lễ hành Lãi cho vay Bán hàng hóa Chi phí vận chuyển Chi phí lãi vay	2.500.000.000 507.443.005 304.538.616 224.293.938 216.803.836 215.735.208 71.363.636 13.463.013	- 601.846.002 - - - - - -
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty con	Lãi vay Mua dịch vụ Bán hàng hóa Chi phí thuê văn phòng Phí ăn trưa Tiền điện Bán xe	2.776.164.378 1.899.930.463 1.625.009.719 1.371.077.224 468.510.908 277.854.098 257.419.720	1.828.520.544 9.782.322.471 - - - - -
Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Công ty con	Thanh lý tài sản cố định Dịch vụ cho thuê văn phòng Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	175.256.034 144.720.000 1.078.000.000	- 1.034.160.000 385.000.000

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thành Thành Công Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Dịch vụ bán vé máy bay Dịch vụ lữ hành Mua dịch vụ Dịch vụ khác	965.253.687 56.774.445 30.923.362 16.561.839	2.663.443.033 1.245.339.996 553.983.801 -
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Cho vay Vay Lãi vay	12.600.000.000 2.000.000.000 897.070.082	- - 1.608.482.957
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Lãi cho vay Dịch vụ lữ hành Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ Mua dịch vụ	533.135.343 129.890.908 74.406.296 13.076.364 4.146.364	- 328.942.091 - - -
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Dịch vụ bán vé máy bay Cung cấp dịch vụ	539.501.090 33.595.818	3.585.532.751 -
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagoft Angkor	Công ty liên kết	Dịch vụ bán vé máy bay	49.076.998	539.791.043
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty con	Lãi cho vay	43.457.534	-

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị:

	Năm nay	Năm trước
	10.011.478.805	11.300.644.000

VND

Năm trước

Phụ cấp, lương và thưởng

11.300.644.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	14.829.975.680	5.967.837.929
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	9.866.032.063	3.473.578.776
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	2.987.313.000	410.255.620
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.707.411.971	-
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	618.484.111	86.257.618
Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	530.602.900	1.011.124.358
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	379.868.419	1.583.491.421
Công ty Cổ phần Thành Thành Công Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	103.145.000	822.095.813
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	83.209.000	602.976.048
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	42.200.000	3.168.016.592
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	624.060.292
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	-	314.355.772
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>31.148.242.144</b>	<b>18.064.050.239</b>

### TỔNG CỘNG

Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận

Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận

Công ty TNHH Du lịch TTC

Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre

20.000.000.000

19.400.000.000

5.000.000.000

38.100.104

### TỔNG CỘNG

44.438.100.104



## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Đặt cọc Chi hộ	23.505.250.000	-
		Lãi cho vay	2.295.770.000	254.931.507
		Cổ tức được chia	10.885.479	-
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Cổ tức được chia	5.500.000.000	-
		Chi hộ	4.065.801.875	432.941.025
		Lãi cho vay	50.841.095	-
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Thu nhập từ hợp đồng HTKD	1.714.171.477	-
		Lãi cho vay	363.585.645	-
		Chi hộ	65.716.000	-
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Lãi cho vay	199.835.343	-
		Chi hộ	127.837.500	249.850.000
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Lãi cho vay	115.574.795	-
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Công ty liên kết	Chi hộ	-	18.042.846.080
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi hộ	21.369.863	-
		Lãi cho vay	-	225.205.478
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty con	Lãi cho vay	13.501.370	-
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi hộ	8.272.728	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Chi hộ	4.545.455	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty con	Chi hộ	4.114.000	238.017.000
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Chi hộ	590.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>38.067.662.625</b>	<b>25.443.791.090</b>

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>VND</i>
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i></b>					
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Cho vay	33.920.000.000	11.692.000.000	
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Cho vay	18.990.000.000	4.540.000.000	
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Cho vay	12.600.000.000	-	
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Cho vay	-	6.800.000.000	
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cho vay	-	5.000.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>65.510.000.000</b>	<b>28.032.000.000</b>	
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>					
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Mua dịch vụ	16.254.854.079	342.022.689	
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Mua dịch vụ	4.773.994.109	2.041.517.913	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đồng lớn	Mua dịch vụ	1.120.270.525	2.726.649.005	
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Mua dịch vụ	977.428.690	480.751.250	
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	614.533.500	765.050.621	
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty con	Mua dịch vụ	399.272.098	366.248.206	
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Mua dịch vụ	158.558.200	-	
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	-	22.675.310	
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	27.290.000	13.138.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>24.326.201.201</b>	<b>6.758.052.994</b>	
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i></b>					
Công ty Cổ phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	3.500.000.000	-	
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	27.529.243	1.799.000	
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	810.000	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>3.528.339.243</b>	<b>1.799.000</b>	



## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>					
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Đặt cọc Lãi vay Thu hộ Cổ tức được chia	45.000.000.000 25.401.863 24.141.000 -	- - 140.277.003 5.167.107.759	- - - -
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Đặt cọc Khác	2.800.000.000 900.000	- -	- -
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Lãi vay Thu hộ	247.186.056 50.875.000	26.900.822 -	- -
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty con	Lãi vay Thu hộ	249.315.067 8.180.000	1.170.948.656 -	- -
Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Công ty con	Chi phí được chia từ BCC	169.400.000	677.600.000	-
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty con	Lãi vay	14.764.384	15.835.617	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Lãi vay	13.463.013	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Thu hộ	7.055.000	8.750.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Lãi vay	6.440.000	144.289.808	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>48.617.121.383</b>	<b>7.351.709.665</b>	
<b>Vay ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Vay	18.628.890.000	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Vay	1.200.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty con	Vay	-	1.400.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>19.828.890.000</b>	<b>1.400.000.000</b>	



## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Phải trả dài hạn khác</b>					
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	Công ty con	Nhận bàn giao tài sản Chi hộ	11.690.384.304	11.690.384.304	11.690.384.304
			229.020.412	229.020.412	229.020.412
			<b>11.919.404.716</b>	<b>11.919.404.716</b>	<b>11.919.404.716</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>					
<b>Vay dài hạn</b>					
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty con	Vay	20.000.000.000	24.700.000.000	24.700.000.000
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty con	Vay	12.945.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Vay	-	16.324.000.000	16.324.000.000
			<b>32.945.000.000</b>	<b>41.024.000.000</b>	<b>41.024.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. CÁC CAM KẾT**

**Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng và đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.883.765.236	5.697.557.148
Từ 1 – 5 năm	602.906.400	6.253.697.874
Trên 5 năm	3.763.843.200	3.903.244.800
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.250.514.836</b>	<b>15.854.499.822</b>

**32. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý		
- Ông Huỳnh Bá Hưng	235.000.559	235.000.559
- Ông Ngô Đình Long	207.057.168	207.057.168
- Nhà máy điện Hậu Giang	89.430.165	89.430.165
- Ông Trần Ngọc Nam	86.575.232	86.575.232
- Khác	864.935.290	768.627.290
Ngoại tệ		
- USD	9.071,9	1.990,36

**33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Nguyễn Thị Lan Phương  
Người lập



Bùi Tấn Khải  
Kế toán trưởng



Trần Võ Hiếu Thuận  
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

## **EY | Building a better working world**

**EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.**

**Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.**

**Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.**

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via [ey.com/privacy](https://ey.com/privacy). EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit [ey.com](https://ey.com).

© 2021 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

[ey.com/en\\_vn](https://ey.com/en_vn) | [ey.com/vi\\_vn](https://ey.com/vi_vn)